

DANH SÁCH KẾT QUẢ THI VÀ XÁC ĐỊNH NGƯỜI TRÚNG TUYỂN

Kỳ thi tuyển Kiểm sát viên sơ cấp đợt 2 năm 2024 (khu vực phía Bắc)

(Kèm theo Quyết định số: 223/QĐ-HĐTT ngày 14/4/2025 của Hội đồng thi tuyển Kiểm sát viên)

STT	SBD	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Đơn vị công tác	Điểm thi		Tổng điểm	Ghi chú
			Nam	Nữ		Viết	Trắc nghiệm		
VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỐI CAO									
1	106	Tổng Hoài Linh		15/02/1995	Vụ 1, VKSNDTC	77	78	232	Trúng tuyển
2	099	Nguyễn Tuấn Anh	18/3/1990		Vụ 15, VKSNDTC	71	80	222	Trúng tuyển
3	108	Nguyễn Văn Linh	25/01/1991		Vụ 2, VKSNDTC	70	78	218	Trúng tuyển
4	105	Nguyễn Thanh Liêm	17/9/1990		Vụ 13, VKSNDTC	69	80	218	Trúng tuyển
5	121	Vì Việt Vương	03/4/1995		Vụ 10, VKSNDTC	65	86	216	Trúng tuyển
6	098	Trần Quyền Anh	04/10/1988		Vụ 13, VKSNDTC	78	58	214	Trúng tuyển
7	113	Nguyễn Mạnh Quân	01/10/1988		Vụ 15, VKSNDTC	74	64	212	Trúng tuyển
8	107	Nguyễn Thị Thùy Linh		16/12/1995	Vụ 2, VKSNDTC	62	80	204	Trúng tuyển
9	104	Bùi Vũ Hoàng	06/7/1990		Văn phòng VKSNDTC	65	72	202	Trúng tuyển
10	122	Đặng Thị Yến		29/01/1988	Vụ 14, VKSNDTC	64	74	202	Trúng tuyển
11	120	Nguyễn Văn Vui	24/3/1983		Vụ 13, VKSNDTC	70	60	200	Trúng tuyển
12	102	Lê Thanh Hà	27/4/1995		Vụ 2, VKSNDTC	66	68	200	Trúng tuyển
13	112	Lê Thị Thanh Phương		06/9/1994	Văn phòng VKSNDTC	68	54	190	
14	114	Nguyễn Như Quỳnh		15/4/1985	Cục 2, VKSNDTC	63	60	186	
15	119	Nguyễn Trọng Tiến	20/9/1995		Vụ 14, VKSNDTC	59	62	180	
16	117	Phạm Thị Bích Thảo		02/6/1978	Vụ 12, VKSNDTC	60	58	178	
17	111	Vy Quốc Phát	03/02/1996		Vụ 14, VKSNDTC	51	72	174	
18	109	Vũ Thị Mai		02/7/1995	Văn phòng VKSNDTC	50	70	170	
19	110	Nguyễn Liên Ngọc		04/8/1996	Văn phòng VKSNDTC	50	66	166	
20	101	Lê Thị Duyên		05/9/1984	Văn phòng VKSNDTC	51	60	162	
21	115	Lại Quang Sơn	05/8/1989		Văn phòng VKSNDTC	50	62	162	
22	118	Lê Thị Thanh Thảo		04/11/1990	Cục 2, VKSNDTC	48	66	162	
23	100	Nguyễn Thành Đông	17/7/1995		Vụ 7, VKSNDTC	50	60	160	

STT	SBD	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Đơn vị công tác	Điểm thi		Tổng điểm	Ghi chú
			Nam	Nữ		Viết	Trắc nghiệm		
24	116	Nguyễn Ngọc Sơn	25/5/1994		Thanh tra VKSNDTC	45	62	152	
25	103	Phạm Thanh Hằng		19/4/1995	Văn phòng VKSNDTC	27	62	116	
VIỆN KIỂM SÁT QUÂN SỰ									
1	138	Vàng Văn Vượng	12/11/1996		VKSQS KV23 QK2	68	76	212	Trúng tuyển
2	132	Nguyễn Thị Hậu Phụng		04/9/1993	VKSQS TĐHN	67	70	204	Trúng tuyển
3	129	Nguyễn Văn Lợi	16/02/1996		VKSQS KV1 QC PK-KQ	55	76	186	Trúng tuyển
4	125	Đinh Quang Dũng	10/4/1998		VKSQS KV32 QK3	58	68	184	Trúng tuyển
5	134	Nguyễn Hoàng Thái	16/10/1995		VKSQS KV43 QK4	55	74	184	Trúng tuyển
6	126	Nguyễn Thị Hà		24/8/1995	VKSQS KV41 QK4	52	80	184	Trúng tuyển
7	133	Lường Văn Thái	10/12/1996		VKSQS KV23 QK2	56	70	182	Trúng tuyển
8	136	Lê Thị Huyền Trang		05/5/1995	VKSQS KV31 QK3	55	72	182	Trúng tuyển
9	127	Nguyễn Kiều Hưng	07/10/1994		VKSQS KV1 BĐBP	54	74	182	Trúng tuyển
10	135	Lưu Đại Thiên	12/12/1993		VKSQS KV41 QK4	55	70	180	Trúng tuyển
11	128	Đinh Thị Thùy Linh		30/7/1996	VKSQS KV1 BĐBP	50	74	174	Trúng tuyển
12	131	Trần Thị Hà Phương		24/8/1995	VKSQS KV41 QK4	50	72	172	Trúng tuyển
13	137	Phạm Thế Tùng	27/9/1996		VKSQS KV32 QK3	50	70	170	Trúng tuyển
14	123	Nguyễn Ngọc Bằng	30/3/1986		VKSQS KV1 QCHQ	43	66	152	
15	130	Nguyễn Duy Phong	22/7/1994		VKSQS KV31 QK3	35	80	150	
16	124	Phạm Minh Đắc	01/6/1990		VKSQS KV21 QK2	40	68	148	
VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI									
1	145	Nguyễn Trường Giang	21/9/1995		VKSND cấp cao 1	78	80	236	Trúng tuyển
2	158	Nguyễn Duy Tùng	24/8/1995		VKSND cấp cao 1	69	84	222	Trúng tuyển
3	155	Vũ Minh Trang		2/9/1996	VKSND cấp cao 1	65	88	218	Trúng tuyển
4	146	Nguyễn Mạnh Hùng	8/6/1989		VKSND cấp cao 1	67	82	216	Trúng tuyển
5	143	Nông Quốc Đạt	12/2/1995		VKSND cấp cao 1	68	78	214	Trúng tuyển
6	144	Nguyễn Minh Đức	17/2/1995		VKSND cấp cao 1	63	82	208	Trúng tuyển
7	151	Dương Thị Kim Oanh		13/5/1995	VKSND cấp cao 1	68	66	202	Trúng tuyển
8	147	Đỗ Việt Lâm	26/5/1994		VKSND cấp cao 1	66	70	202	Trúng tuyển

STT	SBD	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Đơn vị công tác	Điểm thi		Tổng điểm	Ghi chú
			Nam	Nữ		Viết	Trắc nghiệm		
9	154	Vũ Huyền Trang		21/8/1991	VKSND cấp cao 1	63	74	200	
10	142	Nguyễn Nam Anh	17/6/1995		VKSND cấp cao 1	62	72	196	
11	148	Phan Thị Hồng Liên		25/11/1995	VKSND cấp cao 1	65	64	194	
12	150	Phạm Thị Khánh Ly		01/01/1995	VKSND cấp cao 1	61	64	186	
13	140	Lê Thị Ngọc Anh		13/7/1994	VKSND cấp cao 1	57	66	180	
14	156	Nguyễn Đình Tú	5/8/1995		VKSND cấp cao 1	53	70	176	
15	149	Nguyễn Thị Mai Linh		10/10/1995	VKSND cấp cao 1	52	72	176	
16	157	Nguyễn Minh Tú		28/12/1995	VKSND cấp cao 1	50	70	170	
17	141	Lê Đức Anh	4/10/1995		VKSND cấp cao 1	50	68	168	
18	153	Nguyễn Thúy Quỳnh		29/6/1995	VKSND cấp cao 1	43	80	166	
19	139	Nguyễn Tiến Anh	5/6/1995		VKSND cấp cao 1	32	68	132	

VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG									
1	167	Nguyễn Đức Toàn	24/4/1996		VKSND TX.Việt Yên, Bắc Giang	76	78	230	Trúng tuyển
2	161	Nguyễn Thị Hiền		21/3/1996	VKSND h.Yên Dũng, Bắc Giang	70	80	220	Trúng tuyển
3	163	Ngô Thanh Lâm	01/6/1996		VKSND h.Yên Thế, Bắc Giang	60	78	198	Trúng tuyển
4	159	Nguyễn Văn Hải	27/01/1996		VKSND h.Lục Nam, Bắc Giang	55	84	194	Trúng tuyển
5	168	Nguyễn Đức Trọng	29/4/1996		VKSND tỉnh Bắc Giang	58	70	186	Trúng tuyển
6	164	Đoàn Ngọc Linh	01/10/1996		VKSND h.Lạng Giang, Bắc Giang	50.5	84	185	Trúng tuyển
7	160	Lương Bích Hào		04/3/1996	VKSND h.Lạng Giang, Bắc Giang	50	84	184	Trúng tuyển
8	165	Thân Văn Mạnh	28/6/1992		VKSND h.Tân Yên, Bắc Giang	52	72	176	Trúng tuyển
9	162	Nguyễn Thị Huyền		13/11/1996	VKSND h.Lục Ngạn, Bắc Giang	41	70	152	

VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN									
1	174	Phạm Thị Tuyết		28/02/1995	VKSND tỉnh Điện Biên	75	82	232	Trúng tuyển
2	172	Nguyễn Vũ Phương Thảo		19/10/1996	VKSND tỉnh Điện Biên	74	80	228	Trúng tuyển
3	175	Nguyễn Thị Ngọc Yến		14/5/1988	VKSND tỉnh Điện Biên	55	76	186	Trúng tuyển
4	173	Mùa A Tú	14/9/1992		VKSND h.Tuần Giáo, Điện Biên	55	64	174	
5	169	Đàm Quang Anh	08/02/1995		VKSND h.Điện Biên, Điện Biên	52	70	174	
6	171	Vàng Thị Sao Mai		15/9/1996	VKSND tỉnh Điện Biên	50	72	172	
7	170	Triệu Việt Biên	29/5/1988		VKSND h.Mường Chà, Điện Biên	43	68	154	

STT	SBD	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Đơn vị công tác	Điểm thi		Tổng điểm	Ghi chú
			Nam	Nữ		Viết	Trắc nghiệm		
VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI									
1	183	Nguyễn Mạnh Cường	4/29/1996		VKSND q.Hoàn Kiếm, Hà Nội	85	86	256	Trúng tuyển
2	188	Nguyễn Hoàng Giang	06/12/1996		VKSND q.Nam Từ Liêm, Hà Nội	80	94	254	Trúng tuyển
3	205	Lý Xuân Nhất	19/6/1991		VKSND h.Ứng Hòa, Hà Nội	74	100	248	Trúng tuyển
4	179	Bùi Lê Mai Anh		11/02/1996	VKSND q.Nam Từ Liêm, Hà Nội	74	92	240	Trúng tuyển
5	218	Trần Thế Trung	08/6/1996		VKSND q.Ba Đình, Hà Nội	71	98	240	Trúng tuyển
6	214	Dương Sơn Tiến	20/11/1994		VKSND h.Ba Đình, Hà Nội	79	80	238	Trúng tuyển
7	213	Nguyễn Lê Phương Thủy		05/5/1991	VKSND q.Hà Đông, Hà Nội	75	84	234	Trúng tuyển
8	221	Khuất Duy Tùng	27/07/1990		VKSND q.Đống Đa, Hà Nội	72	90	234	Trúng tuyển
9	186	Vi Hoàng Dương	04/12/1996		VKSND q.Thanh Xuân, Hà Nội	73	86	232	Trúng tuyển
10	182	Triệu Đức Chung	03/12/1991		VKSND q.Đống Đa, Hà Nội	71	90	232	Trúng tuyển
11	177	Hoàng Trung Anh	04/12/1995		VKSND q.Đống Đa, Hà Nội	70	92	232	Trúng tuyển
12	215	Trịnh Hữu Toàn	20/5/1990		VKSND q.Ba Đình, Hà Nội	79	72	230	Trúng tuyển
13	204	Trần Thị Minh Nguyệt		20/10/1988	VKSND h.Thanh Oai, Hà Nội	75	80	230	Trúng tuyển
14	198	Phạm Văn Long	31/10/1996		VKSND TP.Hà Nội	74	82	230	Trúng tuyển
15	222	Nguyễn Thị Tuyền		10/10/1994	VKSND h.Ứng Hòa, Hà Nội	74	82	230	Trúng tuyển
16	225	Trần Thị Hải Yến		25/7/1996	VKSND q.Cầu Giấy, Hà Nội	74	82	230	Trúng tuyển
17	187	Nguyễn Duy Dương	05/8/1991		VKSND h.Chương Mỹ, Hà Nội	72	86	230	Trúng tuyển
18	184	Nguyễn Văn Cường	02/5/1993		VKSND h. Gia Lâm, Hà Nội	71	88	230	Trúng tuyển
19	185	Nguyễn Thanh Dung		18/8/1990	VKSND TP.Hà Nội	69	92	230	Trúng tuyển
20	212	Ngô Thị Thúy		12/08/1996	VKSND h.Thanh Trì, Hà Nội	67	92	226	
21	195	Nguyễn Thế Khải	12/4/1996		VKSND q.Hai Bà Trưng, Hà Nội	70	84	224	
22	224	Mai Như Ý	19/11/1996		VKSND TP.Hà Nội	67	88	222	
23	180	Nguyễn Tuấn Anh	31/5/1995		VKSND h.Sóc Sơn, Hà Nội	69	82	220	
24	178	Ngô Việt Anh	21/09/1995		VKSND q.Long Biên, Hà Nội	67	84	218	
25	194	Đinh Mạnh Hùng	8/12/1989		VKSND q.Bắc Từ Liêm, Hà Nội	67	82	216	
26	217	Nguyễn Thị Tố Trinh		24/3/1995	VKSND h. Đông Anh, Hà Nội	66	84	216	
27	206	Lê Thị Hương Nhụy		01/12/1993	VKSND h.Thanh Trì, Hà Nội	67	80	214	

STT	SBD	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Đơn vị công tác	Điểm thi		Tổng điểm	Ghi chú
			Nam	Nữ		Viết	Trắc nghiệm		
28	200	Trần Thị Ngân		29/9/1996	VKSND h.Sóc Sơn, Hà Nội	65	82	212	
29	208	Bỳ Thị Minh Phương		21/10/1992	VKSND q.Nam Từ Liêm, Hà Nội	67	74	208	
30	191	Tạ Tường Hiệu	18/8/1996		VKSND h. Thạch Thất, Hà Nội	59	88	206	
31	189	Đinh Thị Hằng		05/6/1991	VKSND q.Long Biên, Hà Nội	66	72	204	
32	193	Lê Thị Huệ		02/6/1990	VKSND h. Mê Linh, Hà Nội	61	76	198	
33	199	Lê Thị Mận		12/04/1996	VKSND h.Chương Mỹ, Hà Nội	60	74	194	
34	202	Nguyễn Mậu Ngọc	29/5/1990		VKSND q.Hoàng Mai, Hà Nội	60	74	194	
35	220	Đặng Anh Tuấn	14/12/1990		VKSND h. Đông Anh, Hà Nội	57	80	194	
36	192	Nguyễn Văn Huân	01/12/1993		VKSND h.Ba Vì, Hà Nội	55	82	192	
37	223	Nguyễn Thành Vũ	24/7/1993		VKSND h.Thanh Trì, Hà Nội	52	82	186	
38	209	Nguyễn Thị Thu Phương		09/10/1996	VKSND h.Mỹ Đức, Hà Nội	58	66	182	
39	190	Ngô Trung Hiếu	31/08/1994		VKSND q.Long Biên, Hà Nội	55	72	182	
40	211	Đặng Thị Tâm		22/4/1989	VKSND q.Ba Đình, Hà Nội	55	68	178	
41	203	Trần Bích Ngọc		09/12/1995	VKSND q.Tây Hồ, Hà Nội	52	72	176	
42	181	Nguyễn Ngọc Anh	24/11/1992		VKSND h.Thanh Trì, Hà Nội	51	74	176	
43	196	Lưu Văn Kiên	02/05/1996		VKSND h. Phúc Thọ, Hà Nội	51	74	176	
44	176	Nguyễn Thị Ngọc Anh		25/5/1990	VKSND q.Ba Đình, Hà Nội	50	76	176	
45	197	Nguyễn Mai Linh		27/01/1996	VKSND TP.Hà Nội	50	76	176	
46	207	Nguyễn Thị Hà Phương		23/10/1996	VKSND TP.Hà Nội	50	74	174	
47	219	Đào Xuân Tú	07/11/1996		VKSND h.Phú Xuyên, Hà Nội	50	74	174	
48	210	Nguyễn Tiến Sơn	24/8/1989		VKSND q.Hoàn Kiếm, Hà Nội	50	66	166	
49	216	Đinh Huy Trang	02/3/1987		VKSND h. Thạch Thất, Hà Nội	39	84	162	

VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỈNH LAI CHÂU

1	227	Hoàng Thị Diệu Linh		29/10/1996	VKSND tỉnh Lai Châu	68	86	222	Trúng tuyển
2	229	Chu Tổ Uyên		28/10/1996	VKSND tỉnh Lai Châu	64	86	214	Trúng tuyển
3	230	Lâm Thảo Yến		21/6/1996	VKSND h.Than Uyên, Lai Châu	66	74	206	Trúng tuyển
4	228	Nguyễn Thị Thắm		29/6/1987	VKSND tỉnh Lai Châu	61	82	204	Trúng tuyển
5	226	Lê Thị Chiến		12/3/1981	VKSND tỉnh Lai Châu	50	84	184	Trúng tuyển

STT	SBD	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Đơn vị công tác	Điểm thi		Tổng điểm	Ghi chú
			Nam	Nữ		Viết	Trắc nghiệm		
VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN									
1	233	Văn Thị Hà		25/02/1996	VKSND TX.Hoàng Mai, Nghệ An	76	88	240	Trúng tuyển
2	231	Phan Hoàng Đức	20/12/1996		VKSND TX.Hoàng Mai, Nghệ An	78	82	238	Trúng tuyển
3	234	Nguyễn Thị Thanh Huyền		17/12/1996	VKSND TX.Hoàng Mai, Nghệ An	73	86	232	Trúng tuyển
4	232	Lữ Trường Giang	21/11/1996		VKSND h.Quế Phong, Nghệ An	71	86	228	Trúng tuyển
5	238	Hoàng Văn Phúc	03/9/1995		VKSND tỉnh Nghệ An	63	86	212	
6	239	Lê Hoàng Quân	17/11/1992		VKSND tỉnh Nghệ An	62	84	208	
7	237	Nguyễn Thị Ngân		15/10/1996	VKSND h.Con Cuông, Nghệ An	57	94	208	
8	240	Nguyễn Huy Thắng	20/4/1994		VKSND tỉnh Nghệ An	62	78	202	
9	241	Quách Thị Thu		04/7/1995	VKSND h.Quỳ Châu, Nghệ An	58	78	194	
10	242	Nguyễn Thị Phương Trang		19/12/1994	VKSND tỉnh Nghệ An	53	80	186	
11	236	Nguyễn Hương Ly		02/9/1995	VKSND tỉnh Nghệ An	55	64	174	
12	235	Nguyễn Đình Khôi	05/5/1995		VKSND h.Tương Dương, Nghệ An	41	82	164	
VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH									
1	243	Lê Thành Đạt	05/3/1996		VKSND h.Tiên Yên, Quảng Ninh	55	72	182	Trúng tuyển
2	244	Nguyễn Mạnh Phong	02/4/1996		VKSND TX.Quảng Yên, Quảng Ninh	66	68	200	Trúng tuyển
3	245	Võ Ngọc Quỳnh		23/4/1996	VKSND TX.Quảng Yên, Quảng Ninh	68	72	208	Trúng tuyển
4	246	Phạm Văn Thành	10/10/1996		VKSND TP.Móng Cái, Quảng Ninh	70	76	216	Trúng tuyển
5	247	Nguyễn Thị Thuỷ		13/12/1996	VKSND tỉnh Quảng Ninh	50	76	176	Trúng tuyển
6	248	Dương Xuân Trường	08/9/1996		VKSND TP.Đông Triều, Quảng Ninh	58	78	194	Trúng tuyển
VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG									
1	251	Phạm Thế Duyệt	10/3/1992		VKSND h.Thủy Nguyên, Hải Phòng	81	84	246	Trúng tuyển
2	249	Nguyễn Quốc Duy	01/5/1995		VKSND TP.Hải Phòng	79	76	234	Trúng tuyển
3	252	Phạm Hải Nam	19/10/1995		VKSND h.An Dương, Hải Phòng	78	70	226	Trúng tuyển
4	250	Bùi Văn Doan	24/7/1986		VKSND q.Đồ Sơn, Hải Phòng	70	74	214	Trúng tuyển
5	253	Nguyễn Thị Lâm Vân		05/8/1993	VKSND q.Hồng Bàng, Hải Phòng	70	72	212	
6	254	Đặng Quốc Trọng	17/02/1985		VKSND h.Bạch Long Vỹ, Hải Phòng	57	80	194	
VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG									
1	255	Linh Trần Đông	10/10/1996		VKSND h.Quảng Hòa, Cao Bằng	72	80	224	Trúng tuyển

STT	SBD	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Đơn vị công tác	Điểm thi		Tổng điểm	Ghi chú
			Nam	Nữ		Viết	Trắc nghiệm		
2	256	Nguyễn Thị Huyền Trân		26/11/1996	VKSND h.Thạch An, Cao Bằng	69	78	216	Trúng tuyển
3	257	Triệu Thị Huyền		11/6/1996	VKSND TP.Cao Bằng, Cao Bằng	66	78	210	Trúng tuyển
4	258	Nông Đức Ngọc	03/02/1996		VKSND h.Nguyên Bình, Cao Bằng	60	68	188	Trúng tuyển
VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN									
1	260	Hà Khánh Huyền		08/6/1996	VKSND h.Văn Quan, Lạng Sơn	65	72	202	Trúng tuyển
2	259	Hoàng Hoài Anh		04/12/1996	VKSND tỉnh Lạng Sơn	57	78	192	Trúng tuyển
3	261	Hoàng Kim Thái	06/06/1985		VKSND h.Bình Gia, Lạng Sơn	41	52	134	
VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỈNH BẮC KẠN									
1	264	Vy Thị Thu Ngà		21/02/1992	VKSND tỉnh Bắc Kạn	68	82	218	Trúng tuyển
2	265	Hoàng Đức Sơn	29/9/1996		VKSND TP.Bắc Kạn, Bắc Kạn	60	80	200	Trúng tuyển
3	263	Hoàng Quyền Hải	28/3/1996		VKSND h.Bạch Thông, Bắc Kạn	65	66	196	Trúng tuyển
4	262	Triệu Hồng Dương		26/3/1997	VKSND h.Chợ Mới, Bắc Kạn	58	76	192	
5	266	Bế Thanh Thủy		9/2/1993	VKSND tỉnh Bắc Kạn	54	48	156	
VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI									
1	267	Hoàng Thị Nhung		07/01/1990	VKSND h.Văn Bàn, Lào Cai	63	58	184	Trúng tuyển
2	268	Nguyễn Quang Triều	24/11/1991		VKSND h.Văn Bàn, Lào Cai	42	70	154	
3	269	Trần Thị Hải Yến		14/9/1994	VKSND h.Bắc Hà, Lào Cai	45	54	144	
VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỈNH HÒA BÌNH									
1	271	Trần Thị Thùy Dương		19/5/1992	VKSND tỉnh Hòa Bình	65	74	204	Trúng tuyển
2	272	Bùi Thị Thương		13/12/1996	VKSND h.Lương Sơn, Hòa Bình	61	76	198	Trúng tuyển
3	270	Nguyễn Ngọc Anh		16/7/1996	VKSND tỉnh Hòa Bình	57	60	174	Trúng tuyển
4	273	Nguyễn Vũ Trung	15/07/1996		VKSND h.Lạc Thủy, Hòa Bình	50	58	158	
5	274	Nguyễn Quang Vinh	20/8/1972		VKSND h.Lương Sơn, Hòa Bình	50	56	156	
VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH									
1	295	Nguyễn Thùy Trang		02/04/1996	VKSND tỉnh Bắc Ninh	73	84	230	Trúng tuyển
2	275	Nguyễn Thị Phương Anh		19/3/1996	VKSND tỉnh Bắc Ninh	71	84	226	Trúng tuyển
3	291	Nguyễn Thị Thúy Quyên		08/02/1995	VKSND tỉnh Bắc Ninh	69	84	222	Trúng tuyển
4	288	Đoàn Thị Ngọc		16/12/1996	VKSND TX.Thuận Thành, Bắc Ninh	69	82	220	
5	287	Đỗ Thành Nam	01/8/1996		VKSND TP.Bắc Ninh, Bắc Ninh	72	68	212	

STT	SBD	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Đơn vị công tác	Điểm thi		Tổng điểm	Ghi chú
			Nam	Nữ		Viết	Trắc nghiệm		
6	282	Vũ Quỳnh Hương		04/01/1996	VKSND tỉnh Bắc Ninh	67	78	212	
7	281	Nguyễn Thị Phương Hoa		16/7/1995	VKSND tỉnh Bắc Ninh	65	80	210	
8	294	Nguyễn Văn Thạo	31/3/1989		VKSND h.Gia Bình, Bắc Ninh	66	70	202	
9	276	Vũ Văn Đại	23/4/1994		VKSND h.Tiên Du, Bắc Ninh	57	78	192	
10	277	Lê Thị Thúy Diệp		06/6/1985	VKSND h.Tiên Du, Bắc Ninh	60	68	188	
11	286	Nguyễn Thị Tuyết Mai		04/7/1996	VKSND h.Lương Tài, Bắc Ninh	52	84	188	
12	278	Nguyễn Hoàng Dũng	12/09/1995		VKSND h.Yên Phong, Bắc Ninh	58	70	186	
13	280	Nguyễn Thị Hải Hà		27/10/1995	VKSND tỉnh Bắc Ninh	60	60	180	
14	289	Vũ Thị Minh Phương		21/12/1993	VKSND TX.Quế Võ, Bắc Ninh	50	80	180	
15	296	Nguyễn Đăng Tuấn	12/5/1995		VKSND TX.Quế Võ, Bắc Ninh	50	78	178	
16	279	Nguyễn Tài Dương	02/7/1990		VKSND TP.Từ Sơn, Bắc Ninh	55	66	176	
17	283	Lương Đức Huyền	10/01/1987		VKSND h.Yên Phong, Bắc Ninh	51	68	170	
18	292	Nguyễn Thị Thanh Quỳnh		10/12/1989	VKSND TP.Từ Sơn, Bắc Ninh	53	62	168	
19	293	Nguyễn Thanh Thanh	29/3/1994		VKSND TX.Quế Võ, Bắc Ninh	40	72	152	
20	285	Nguyễn Mạnh Linh	18/02/1990		VKSND h.Tiên Du, Bắc Ninh	40	64	144	
21	284	Nguyễn Đình Khánh	09/3/1996		VKSND h.Tiên Du, Bắc Ninh	32	66	130	
VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH									
1	301	Phạm Thanh Quỳnh		06/8/1996	VKSND h.Nghĩa Hưng, Nam Định	69	66	204	Trúng tuyển
2	299	Trần Văn Đông	21/01/1996		VKSND TP.Nam Định, Nam Định	55	66	176	Trúng tuyển
3	300	Vũ Thúy Phương		15/9/1993	VKSND tỉnh Nam Định	52	60	164	Trúng tuyển
4	298	Đặng Thị Thu Bích		21/6/1992	VKSND h.Trực Ninh, Nam Định	50	62	162	Trúng tuyển
VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA									
1	302	Lê Thị Châm		12/11/1995	VKSND tỉnh Thanh Hóa	70	76	216	Trúng tuyển
2	308	Phạm Văn Thức	06/3/1989		VKSND h.Thạch Thành, Thanh Hóa	66	78	210	Trúng tuyển
3	304	Đỗ Thị Thanh Hằng		04/03/1996	VKSND TP.Sầm Sơn, Thanh Hóa	67	74	208	Trúng tuyển
4	305	Mai Thị Hà Linh		15/5/1995	VKSND tỉnh Thanh Hóa	61	86	208	Trúng tuyển
5	309	Đinh Thị Thu Thủy		17/3/1988	VKSND tỉnh Thanh Hóa	63	80	206	Trúng tuyển
6	310	Bùi Đức Tuấn	27/01/1995		VKSND h.Vĩnh Lộc, Thanh Hóa	65	72	202	Trúng tuyển

STT	SBD	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Đơn vị công tác	Điểm thi		Tổng điểm	Ghi chú
			Nam	Nữ		Viết	Trắc nghiệm		
7	311	Triệu Thị Yến		25/6/1995	VKSND h.Lang Chánh, Thanh Hóa	59	76	194	Trúng tuyển
8	306	Nguyễn Kiều Oanh		15/9/1990	VKSND tỉnh Thanh Hóa	56	74	186	Trúng tuyển
9	307	Nguyễn Thị Quyên		09/10/1996	VKSND h.Hà Trung, Thanh Hóa	50	68	168	
10	303	Phạm Thuỳ Dương		03/02/1989	VKSND h.Cẩm Thủy, Thanh Hóa	50	66	166	
VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN									
1	314	Phạm Xuân Ngọc	08/5/1974		VKSND h.Văn Giang, Hưng Yên	76	86	238	Trúng tuyển
2	316	Nguyễn Phú Tiêm	10/11/1982		VKSND h.Khoái Châu, Hưng Yên	75	84	234	
3	318	Lâm Thị Xuyên		07/5/1989	VKSND h.Khoái Châu, Hưng Yên	63	76	202	
4	317	Phạm Văn Việt	14/02/1979		VKSND h.Ấn Thi, Hưng Yên	50	74	174	
5	313	Vũ Hoàng Gia	20/8/1986		VKSND h.Ấn Thi, Hưng Yên	45	66	156	
6	315	Nguyễn Gia Phong	13/4/1990		VKSND tỉnh Hưng Yên	44	64	152	
7	312	Nguyễn Huy Đạt	07/01/1983		VKSND h.Kim Động, Hưng Yên	35	62	132	
VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ									
1	322	Đỗ Tiến Hoài	06/06/1996		VKSND h.Lâm Thao, Phú Thọ	73	88	234	Trúng tuyển
2	326	Đỗ Hoàng Huyền My		13/01/1995	VKSND TP.Việt Trì, Phú Thọ	62	98	222	Trúng tuyển
3	325	Hoàng Thị Thanh Loan		13/5/1983	VKSND tỉnh Phú Thọ	70	70	210	Trúng tuyển
4	328	Nguyễn Kiều Vân		24/10/1994	VKSND h.Thanh Sơn, Phú Thọ	56	96	208	Trúng tuyển
5	329	Phùng Ngọc Yến		31/8/1996	VKSND h.Thanh Thủy, Phú Thọ	63	74	200	
6	320	Phan Mạnh Duy	01/4/1996		VKSND h.Thanh Ba, Phú Thọ	60	68	188	
7	327	Nguyễn Thu Nga		15/9/1995	VKSND tỉnh Phú Thọ	52	74	178	
8	321	Hoàng Tiến Hòa	22/10/1980		VKSND TX.Phú Thọ, Phú Thọ	50	68	168	
9	323	Lê Thị Thu Hương		23/10/1995	VKSND h.Thanh Sơn, Phú Thọ	51	62	164	
10	319	Vũ Thế Chung	15/02/1990		VKSND h.Đoan Hùng, Phú Thọ	51	60	162	
VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỈNH YÊN BÁI									
1	333	Hoàng Thị Nguyệt Hà		18/3/1996	VKSND h.Văn Chấn, Yên Bái	62	86	210	Trúng tuyển
2	332	Lương Thị Dâng		15/11/1996	VKSND tỉnh Yên Bái	63	82	208	Trúng tuyển
3	336	Hà Chí Kiên	01/01/1996		VKSND h.Lục Yên, Yên Bái	63	72	198	Trúng tuyển
4	331	Nông Đức Chính	22/10/1996		VKSND tỉnh Yên Bái	52	80	184	Trúng tuyển
5	338	Ngọc Đức Thạo	08/11/1996		VKSND h.Mù Cang Chải, Yên Bái	51	74	176	Trúng tuyển

STT	SBD	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Đơn vị công tác	Điểm thi		Tổng điểm	Ghi chú
			Nam	Nữ		Viết	Trắc nghiệm		
6	337	Phạm Hiền Mai		26/8/1997	VKSND h.Yên Bình, Yên Bái	50	74	174	Trúng tuyển
7	330	Hà Ngọc Ánh		16/02/1996	VKSND h.Văn Chấn, Yên Bái	52	66	170	Trúng tuyển
8	339	Trịnh Văn Toàn	29/8/1994		VKSND h.Lục Yên, Yên Bái	51	68	170	Trúng tuyển
9	335	Trịnh Văn Hoàng	14/02/1995		VKSND h.Lục Yên, Yên Bái	43	68	154	
10	340	Hoàng Tú Vân		09/8/1995	VKSND h.Lục Yên, Yên Bái	41	72	154	
11	334	Đồng Thu Hoài		09/10/1996	VKSND tỉnh Yên Bái	37	76	150	
VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG									
1	342	Lương Ngọc Anh		13/3/1996	VKSND h.Nam Sách, Hải Dương	53	82	188	Trúng tuyển
2	341	Nguyễn Thị Ngọc Liên		21/6/1996	VKSND tỉnh Hải Dương	57	68	182	Trúng tuyển
VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN									
1	347	Trần Ngọc Huyền		11/3/1995	VKSND TP.Sông Công, Thái Nguyên	69	76	214	Trúng tuyển
2	350	Đinh Minh Thu		24/10/1996	VKSND h.Võ Nhαι, Thái Nguyên	70	70	210	Trúng tuyển
3	343	Vũ Xuân Bình	14/01/1995		VKSND TP.Thái Nguyên, Thái Nguyên	69	70	208	Trúng tuyển
4	345	Nguyễn Thị Thanh Hương		29/5/1995	VKSND h.Đồng Hỷ, Thái Nguyên	61	76	198	Trúng tuyển
5	344	Nguyễn Hồng Hạnh		8/4/1996	VKSND TP.Thái Nguyên, Thái Nguyên	60	72	192	Trúng tuyển
6	346	Nguyễn Bá Huy	03/10/1996		VKSND h.Đại Từ, Thái Nguyên	53	82	188	Trúng tuyển
7	348	Ngô Văn Quyền	10/8/1988		VKSND TP.Sông Công, Thái Nguyên	50	78	178	Trúng tuyển
8	352	Hoàng Tố Uyên		12/11/1994	VKSND tỉnh Thái Nguyên	50	76	176	
9	353	Lê Thị Yến		17/11/1996	VKSND h.Võ Nhαι, Thái Nguyên	50	70	170	
10	351	Lưu Thị Cảnh Thương		20/9/1996	VKSND h.Định Hóa, Thái Nguyên	50	66	166	
11	349	Trần Thị Thu Thảo		5/1/1995	VKSND TP.Thái Nguyên, Thái Nguyên	45	66	156	
VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA									
1	356	Cầm Văn Duy	16/8/1995		VKSND h.Bắc Yên, Sơn La	59	80	198	Trúng tuyển
2	358	Nguyễn Tùng Lâm	10/02/1995		VKSND tỉnh Sơn La	56	86	198	Trúng tuyển
3	355	Vũ Đình Đức	25/02/1995		VKSND tỉnh Sơn La	56	76	188	Trúng tuyển
4	357	Đinh Thu Huệ		14/6/1995	VKSND h.Vân Hồ, Sơn La	52	76	180	Trúng tuyển
5	360	Nguyễn Anh Tuấn	02/12/1995		VKSND tỉnh Sơn La	50.5	64	165	Trúng tuyển
6	359	Lù Mạnh Linh	25/9/1994		VKSND tỉnh Sơn La	53	58	164	Trúng tuyển
7	354	Triệu Thị Thúy An		12/6/1990	VKSND h.Phù Yên, Sơn La	45	64	154	

STT	SBD	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Đơn vị công tác	Điểm thi		Tổng điểm	Ghi chú
			Nam	Nữ		Viết	Trắc nghiệm		
VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH									
1	361	Nguyễn Mạnh Cường	03/11/1994		VKSND tỉnh Ninh Bình	68	78	214	Trúng tuyển
2	362	Mai Thị Hương		01/5/1990	VKSND tỉnh Ninh Bình	63	84	210	
3	363	Vũ Đức Toàn	29/11/1994		VKSND tỉnh Ninh Bình	27	76	130	
VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỈNH VINH PHÚC									
1	324	Hà Thị Thanh Hương		16/08/1996	VKSND tỉnh Phú Thọ	58	78	194	Trúng tuyển
2	365	Trương Thị Duyên		17/7/1996	VKSND tỉnh Vĩnh Phúc	51	74	176	Trúng tuyển
3	366	Nguyễn Thị Diệu Linh		03/10/1996	VKSND TP.Phúc Yên, Vĩnh Phúc	51	84	186	Trúng tuyển
4	367	Trần Thị Yến		22/01/1996	VKSND h.Sông Lô, Vĩnh Phúc	51	80	182	Trúng tuyển
5	364	Nguyễn Thị Điệp Anh		08/3/1996	VKSND h.Lập Thạch, Vĩnh Phúc	44	64	152	
VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH									
1	379	Nguyễn Anh Tú	10/10/1992		VKSND h.Tuyên Hóa, Quảng Bình	66	88	220	Trúng tuyển
2	378	Trần Ngọc Trung	20/01/1987		VKSND tỉnh Quảng Bình	67	84	218	Trúng tuyển
3	373	Đặng Thị Hồng Nhung		5/2/1991	VKSND TP.Đồng Hới, Quảng Bình	64	86	214	Trúng tuyển
4	368	Đinh Thị Linh Giang		7/5/1994	VKSND h.Minh Hoá, Quảng Bình	64	84	212	Trúng tuyển
5	375	Trần Thị Nhật Thùy		29/01/1995	VKSND h.Minh Hoá, Quảng Bình	62	86	210	
6	374	Trần Anh Quỳnh		05/05/1996	VKSND h.Quảng Ninh, Quảng Bình	60	84	204	
7	372	Phạm Thị Thanh Nhân		03/01/1996	VKSND h.Quảng Ninh, Quảng Bình	55	80	190	
8	377	Nguyễn Thị Quỳnh Trang		18/9/1992	VKSND tỉnh Quảng Bình	54	72	180	
9	369	Phạm Thị Mỹ Hà		22/6/1996	VKSND h.Minh Hoá, Quảng Bình	45	84	174	
10	376	Trần Thị Lệ Thuýên		23/02/1983	VKSND tỉnh Quảng Bình	46	72	164	
11	370	Tổng Mỹ Linh		08/10/1992	VKSND h.Lệ Thủy, Quảng Bình	40	82	162	
12	371	Lê Thị Thùy Linh		20/10/1993	VKSND h.Quảng Trạch, Quảng Bình	39	82	160	
VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG									
1	382	Hoàng Văn Thái	20/4/1993		VKSND tỉnh Tuyên Quang	69	82	220	Trúng tuyển
2	383	Nguyễn Văn Tùng	20/10/1988		VKSND h.Yên Sơn, Tuyên Quang	67	78	212	Trúng tuyển
3	381	Vũ Thị Diệu Ngọc		22/12/1993	VKSND h.Yên Sơn, Tuyên Quang	62	84	208	Trúng tuyển
4	384	Trương Tiến Tú	23/12/1996		VKSND h.Lâm Bình, Tuyên Quang	59	86	204	

STT	SBD	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Đơn vị công tác	Điểm thi		Tổng điểm	Ghi chú
			Nam	Nữ		Viết	Trắc nghiệm		
5	380	Lý Vũ Việt Hà		10/9/1996	VKSND h.Chiêm Hoá, Tuyên Quang	53	82	188	
VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỈNH HÀ GIANG									
1	386	Lưu Viết Ngà	04/10/1996		VKSND h.Mèo Vạc, Hà Giang	56	72	184	Trúng tuyển
2	385	Nguyễn Thùy Dung		20/9/1994	VKSND tỉnh Hà Giang	50	70	170	Trúng tuyển
VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ									
1	394	Trần Thị Ngọc Phương		19/9/1996	VKSND h.Triệu Phong, Quảng Trị	66	70	202	Trúng tuyển
VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH									
1	391	Trần Thị Phương Mai		03/02/1992	VKSND tỉnh Hà Tĩnh	73	74	220	Trúng tuyển
2	390	Trần Thị Thu Hiền		04/7/1988	VKSND h.Thạch Hà, Hà Tĩnh	72	76	220	Trúng tuyển
3	388	Hà Mạnh Cẩm	12/8/1986		VKSND h.Đức Thọ, Hà Tĩnh	74	70	218	
4	393	Nguyễn Cẩm Thơ		20/11/1991	VKSND tỉnh Hà Tĩnh	65	70	200	
5	392	Trương Phương Nga		26/12/1989	VKSND h.Thạch Hà, Hà Tĩnh	55	78	188	
6	389	Trương Thị Hương Giang		02/10/1992	VKSND tỉnh Hà Tĩnh	54	80	188	
7	387	Nguyễn Thị Tú Anh		07/02/1992	VKSND h.Hương Sơn, Hà Tĩnh	51	72	174	